

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ UÔNG BÍ**

Số: 721/UBND-TC-NV

V/v thông báo kết quả trúng tuyển kỳ
xét tuyển đặc cách viên chức sự nghiệp
thành phố Uông Bí năm 2018

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Uông Bí, ngày 03 tháng 4 năm 2019

Kính gửi:

- Cơ quan Tổ chức Nội vụ thành phố;
- Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố;
- Trung tâm Truyền thông và Văn hóa thành phố.

Căn cứ Quyết định số 1288/QĐ-UBND ngày 27/3/2019 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc công nhận kết quả trúng tuyển kỳ xét tuyển đặc cách viên chức năm 2018.

Thực hiện Công văn số 594/SNV-CCVC ngày 29/3/2019 của Sở Nội vụ tỉnh Quảng Ninh về việc thông báo kết quả trúng tuyển và hướng dẫn thực hiện quy trình tuyển dụng viên chức.

Ủy ban nhân dân thành phố Uông Bí chỉ đạo như sau:

1. Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố gửi thông báo kết quả trúng tuyển đến các Trường công lập thuộc thẩm quyền quản lý có thí sinh tham gia xét tuyển, giao Hiệu trưởng các trường thông báo kết quả trúng tuyển đến từng trường hợp tham gia xét tuyển.

2. Trung tâm Truyền thông và Văn hóa thành phố gửi thông báo kết quả trúng tuyển đến từng trường hợp tham gia xét tuyển đặc cách tại đơn vị.

3. Giao Cơ quan Tổ chức - Nội vụ thành phố phối hợp với Giáo dục và Đào tạo, Trung tâm Truyền thông và Văn hóa thành phố tham mưu cho UBND thành phố thực hiện việc tuyển dụng viên chức đối với các trường hợp trúng tuyển theo quy định hiện hành.

Ủy ban nhân dân thành phố yêu cầu các phòng, đơn vị triển khai thực hiện./

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ tỉnh Quảng Ninh (b/c);
- CT, các PCT UBND thành phố;
- Như kính gửi (t/h);
- Lưu: VT, NV.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phạm Tuấn Đạt

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *1288*/QĐ-UBND

Quảng Ninh, ngày *27* tháng 3 năm 2019

Người ký: Ủy ban
Nhân dân tỉnh
Quảng Ninh
Email:
vpUBND@quang
ninh.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh
Quảng Ninh
Thời gian ký:
28.03.2019
08:10:15 +07:00



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc công nhận kết quả trúng tuyển
kỳ xét tuyển đặc cách viên chức năm 2018**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về
tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 25/12/2012 của Bộ Nội vụ
hướng dẫn về tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo,
bồi dưỡng đối với viên chức; Thông tư số 16/2012/TT-BNV ngày 28/12/2012
của Bộ Nội vụ ban hành Quy chế thi tuyển, xét tuyển viên chức; Quy chế thi
thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức và Nội quy kỳ thi tuyển,
thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Căn cứ Kế hoạch số 200/KH-UBND ngày 28/12/2018 của Ủy ban nhân
dân tỉnh về xét tuyển đặc cách viên chức vào làm việc tại các đơn vị sự nghiệp
công lập tỉnh Quảng Ninh năm 2018;

Căn cứ Quyết định số 5528/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của Ủy ban nhân
dân tỉnh về việc thành lập Hội đồng Kiểm tra, sát hạch xét tuyển đặc cách viên
chức tỉnh Quảng Ninh năm 2018;

Căn cứ Quyết định số 1071 /QĐ-UBND ngày 14/3/2019 của Ủy ban nhân
dân tỉnh về việc công nhận kết quả xét tuyển đặc cách viên chức năm 2018;

Xét đề nghị của Hội đồng Kiểm tra sát hạch xét tuyển đặc cách viên chức
tỉnh Quảng Ninh năm 2018 tại văn bản số 34/HĐKTSH ngày 18/03/2019 về
việc công nhận kết quả trúng tuyển kỳ xét tuyển đặc cách viên chức năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả trúng tuyển kỳ xét tuyển đặc cách viên chức
tỉnh Quảng Ninh năm 2018 đối với **1.674** thí sinh đủ điều kiện xét tuyển đặc
cách viên chức (có danh sách cụ thể kèm theo).

Điều 2. Hội đồng Kiểm tra sát hạch xét tuyển đặc cách viên chức tỉnh
Quảng Ninh năm 2018 có trách nhiệm thông báo kết quả trúng tuyển kỳ xét
tuyển đặc cách viên chức đến các đơn vị có nhu cầu xét tuyển đặc cách viên
chức năm 2018, các thí sinh trúng tuyển và thực hiện các bước quy trình, thủ tục
về việc tuyển dụng viên chức theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; các thành viên Hội đồng Kiểm tra, sát hạch xét tuyển đặc cách viên chức tỉnh Quảng Ninh năm 2018; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các ông (bà) có tên trong danh sách nêu tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- TT. Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3 (đề t/h);
- V0,1,2,3,4; DL2, TH6;
- Lưu: VT; TH5.

QB179



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Deu

Đặng Huy Hậu

TT	Đơn vị/Phòng chuyên môn cần tuyển viên chức	Tên vị trí việc làm (Theo vị trí đơn vị đã đăng ký)	Mã số chức danh nghề nghiệp	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Số báo danh	Chuyên ngành của người đăng ký dự tuyển				Điểm phỏng vấn	
					Nam	Nữ		Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Hệ Đào tạo	Loại tốt nghiệp		
IV	Ủy ban nhân dân thành phố Uông Bí												
*	Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo												
	Cấp học Mầm non												
661	1	Trường Mầm non Điện Công	Giáo viên mầm non	V.07.02.06	Phạm Thị Hào		10/09/1992	UB 03	Đại học	SP Giáo dục mầm non	VLVH	TB Khá	75
662	2	Trường Mầm non 19 - 5	Giáo viên mầm non	V.07.02.06	Cao Thị Thảo		01/07/1991	UB 04	Đại học	SP Giáo dục mầm non	VLVH	TB Khá	78.5
663	3	Trường Mầm non Nam Khê	Giáo viên mầm non	V.07.02.06	Vi Thị Vân		18/08/1991	UB 05	Đại học	SP Giáo dục mầm non	VLVH	TB Khá	75
664					Nông Thuý Linh		29/05/1985	UB 06	Đại học	SP Giáo dục mầm non	VHVL	TB Khá	75
665					Đàm Thị Xinh		21/10/1989	UB 07	Đại học	SP Giáo dục mầm non	VHVL	TB Khá	80
666					Trần Thị Thu		12/09/1978	UB 08	Đại học	SP Giáo dục mầm non	VHVL	TB Khá	73.5
667					Lục Thị Hằng		25/02/1985	UB 09	Cao đẳng	SP Giáo dục mầm non	Chính quy	TB Khá	72.5
668	4	Trường Mầm non Phương Nam	Giáo viên mầm non	V.07.02.06	Bùi Thị Yên		26/10/1983	UB 10	Trung cấp	SP Giáo dục mầm non	Chính quy	Trung bình	75
669	5	Trường Mầm non Thanh Sơn	Giáo viên mầm non	V.07.02.06	Nguyễn Thị Phong		02/12/1987	UB 11	Đại học	SP Giáo dục mầm non	VLVH	TB Khá	80
670					Bùi Thị Tuyết Chang		06/11/1989	UB 12	Đại học	SP Giáo dục mầm non	VHVL	TB Khá	82
671					Nguyễn Thị Phương		15/10/1986	UB 13	Đại học	SP Giáo dục mầm non	VHVL	Trung bình	61
672					Bùi Thị Thiện		17/01/1970	UB 14	Đại học	SP Giáo dục mầm non	VHVL	TB Khá	80
673					Lê Thanh Thảo		16/06/1984	UB 15	Đại học	SP Giáo dục mầm non	VHVL	TB Khá	74.5
674					Trần Thị Duyên		27/05/1994	UB 16	Trung cấp	SP Giáo dục mầm non	Chính quy	TB Khá	50
675					Nguyễn Thị Lệ		11/12/1988	UB 17	Đại học	SP Giáo dục mầm non	VHVL	Trung bình	60
676					Phùng Thị Hòa		15/7/1993	UB 18	Trung cấp	SP Giáo dục mầm non	Chính quy	Khá	80
677					Nguyễn Thị Ngân		05/6/1990	UB 19	Đại học	SP Giáo dục mầm non	VHVL	TB Khá	73.5
678					Vũ Thị Thu Hằng		03/01/1987	UB 20	Đại học	SP Giáo dục mầm non	VHVL	TB Khá	69.5
679	6	Trường Mầm non Trung Vương	Giáo viên mầm non	V.07.02.06	Phạm Thị Huyền		30/10/1979	UB 21	Đại học	SP Giáo dục mầm non	VLVH	TB Khá	50
680					Lý Thị Bích Hạnh		27/04/1985	UB 22	Đại học	SP Giáo dục mầm non	VHVL	TB Khá	80
681					Hà Thị Nguyệt		21/11/1984	UB 23	Đại học	SP Giáo dục mầm non	VHVL	TB Khá	76.5
682					Nguyễn Thị Thu		27/09/1986	UB 24	Đại học	SP Giáo dục mầm non	VHVL	TB Khá	52
683					Đoàn Thị Thanh Hoa		04/03/1988	UB 25	Trung cấp	SP Giáo dục mầm non	Chính quy	TB Khá	62.5
684					Nguyễn Hồng Quyên		13/03/1990	UB 26	Đại học	SP Giáo dục mầm non	VHVL	TB Khá	90
685	7	Trường Mầm non Vàng Danh	Giáo viên mầm non	V.07.02.06	Nguyễn Thị Thu Thùy		20/04/1989	UB 27	Cao đẳng	SP Giáo dục mầm non	Chính quy	Khá	65
686	8	Trường Mầm non Bắc Sơn	Giáo viên mầm non	V.07.02.06	Vũ Thị Mai		18/02/1985	UB 28	Đại học	SP Giáo dục mầm non	VLVH	TB Khá	85
687	9	Trường Mầm non Quang Trung	Giáo viên mầm non	V.07.02.06	Lê Thanh Huyền		09/08/1991	UB 29	Đại học	SP Giáo dục mầm non	VLVH	TB Khá	82.5
688					Đào Thị Hoa		07/03/1989	UB 30	Đại học	SP Giáo dục mầm non	VHVL	TB Khá	75
689					Hoàng Thị Như Quỳnh		04/05/1988	UB 31	Đại học	SP Giáo dục mầm non	VHVL	TB Khá	90



STT	Đơn vị	Phòng chuyên môn cần tuyển viên chức	Tên vị trí việc làm (Theo vị trí đơn vị đã đăng ký)	Mã số chức danh nghề nghiệp	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Số báo danh	Chuyên ngành của người đăng ký dự tuyển				Điểm phỏng vấn
						Nam	Nữ		Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Hệ Đào tạo	Loại tốt nghiệp	
690					Phạm Thị Huyền		30/01/1988	UB 32	Đại học	SP Giáo dục mầm non	VHVL	TB Khá	72.5
691					Đỗ Thị Nhün		06/06/1987	UB 33	Đại học	SP Giáo dục mầm non	VHVL	TB Khá	90
692					Trần Thị Huyền		08/09/1986	UB 34	Đại học	SP Giáo dục mầm non	VHVL	TB Khá	92.5
693					Nguyễn Thị Oanh		02/08/1984	UB 35	Đại học	SP Giáo dục mầm non	VHVL	Trung bình	80
694					Vũ Thị Thu		16/09/1981	UB 36	Đại học	SP Giáo dục mầm non	VHVL	TB Khá	85
695					Nguyễn Thị Thu Huyền		20/04/1980	UB 37	Đại học	SP Giáo dục mầm non	VHVL	TB Khá	95
696					Phạm Thị Hào		12/03/1982	UB 38	Đại học	SP Giáo dục mầm non	VHVL	Khá	75
697	10	Trường Mầm non Thượng Yên Công	Giáo viên mầm non	V.07.02.06	Lê Thị Dung Nhan		18/12/1992	UB 39	Đại học	SP Giáo dục mầm non	VLVH	TB Khá	89
698					Đặng Thị An		21/11/1989	UB 40	Đại học	SP Giáo dục mầm non	VHVL	TB Khá	50
699					Lưu Thị Hương		28/06/1986	UB 41	Đại học	SP Giáo dục mầm non	VHVL	TB Khá	85
700					Lý Thanh Thúy		08/04/1991	UB 42	Đại học	SP Giáo dục mầm non	VHVL	TB Khá	60
701	11	Trường Mầm non Yên Thanh	Giáo viên mầm non	V.07.02.06	Nguyễn Thị Hồng Nhung		30/10/1991	UB 43	Đại học	SP Giáo dục mầm non	VLVH	TB Khá	70
702					Đỗ Thị Hà		22/04/1990	UB 44	Đại học	SP Giáo dục mầm non	VHVL	TB Khá	90
703					Bùi Thị Lâm		21/08/1987	UB 45	Đại học	SP Giáo dục mầm non	VHVL	TB Khá	75
704					Nguyễn Thị Hoa		14/10/1990	UB 46	Đại học	SP Giáo dục mầm non	VHVL	TB Khá	90
705					Nguyễn Thị Thuý		27/12/1988	UB 47	Cao đẳng	SP Giáo dục mầm non	Chính quy	TB Khá	90
706					Nguyễn Thị Trang		11/07/1988	UB 48	Đại học	SP Giáo dục mầm non	VHVL	TB Khá	60
707					Đào Thị Thanh		02/11/1984	UB 49	Đại học	SP Giáo dục mầm non	VHVL	TB Khá	60
708					Nguyễn Thu Huyền		15/10/1988	UB 50	Đại học	SP Giáo dục mầm non	Tại chức	TB Khá	85
709					Lê Thị Vân		19/10/1984	UB 51	Đại học	SP Giáo dục mầm non	VHVL	TB Khá	80.5
710					Phạm Thị Phương		18/10/1990	UB 52	Đại học	SP Giáo dục mầm non	Tại chức	TB Khá	60
711	12	Trường Mầm non Phương Đông	Giáo viên mầm non	V.07.02.06	Nguyễn Thị Chuyển Lơ		28/02/1989	UB 53	Cao đẳng	SP Giáo dục mầm non	Chính quy	Khá	85
712					Bùi Thị Oanh		13/04/1973	UB 54	Cao đẳng	SP Giáo dục mầm non	VLVH	TB Khá	75
713					Lê Thị Hồng		16/10/1987	UB 55	Đại học	SP Giáo dục mầm non	VHVL	TB Khá	85
714					Phạm Thị Nhung		12/07/1982	UB 56	Đại học	SP Giáo dục mầm non	VHVL	TB Khá	75
715					Lê Thị Thúy		09/12/1990	UB 57	Đại học	SP Giáo dục mầm non	VHVL	Khá	88
716					Lê Thị Thu Hằng		14/01/1978	UB 58	Đại học	SP Giáo dục mầm non	VHVL	TB Khá	70
717					Phạm Thị Ngát		20/8/1990	UB 59	Đại học	SP Giáo dục mầm non	VHVL	TB Khá	55
718					Bùi Thị Hiền		27/10/1985	UB 60	Đại học	SP Giáo dục mầm non	VHVL	TB Khá	85
719					Hà Thị Hiền		19/10/1990	UB 61	Đại học	SP Giáo dục mầm non	VHVL	TB Khá	85
720					Vũ Thị Thanh Hằng		04/9/1990	UB 62	Trung cấp	SP Giáo dục mầm non	Chính quy	Khá	90
721					Nguyễn Thị Hoa		16/8/1983	UB 63	Đại học	SP Giáo dục mầm non	VHVL	TB Khá	85
722					Bùi Thu Hương		29/9/1992	UB 64	Đại học	SP Giáo dục mầm non	VHVL	TB Khá	85
723					Nguyễn Thùy Trang		27/6/1990	UB 65	Đại học	SP Giáo dục mầm non	VHVL	TB Khá	90
724					Phạm Thị Nga		11/10/1987	UB 66	Cao đẳng	SP Giáo dục mầm non	Chính quy	Khá	85

TT	Đơn vị/ Phòng chuyên môn cần tuyển viên chức	Tên vị trí việc làm (Theo vị trí đơn vị đã đăng ký)	Mã số chức danh nghề nghiệp	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Số báo danh	Chuyên ngành của người đăng ký dự tuyển				Điểm phỏng vấn	
					Nam	Nữ		Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Hệ Đào tạo	Loại tốt nghiệp		
725	13	Trường Mầm non Đồng Chanh	Giáo viên mầm non	V.07.02.06	Vũ Thị Thanh Tuyền		30/8/1992	UB 67	Đại học	SP Giáo dục mầm non	VLVH	TB Khá	60
726					Trương Thị Kim Dung		16/01/1983	UB 68	Đại học	SP Giáo dục mầm non	VHVL	TB Khá	90
727					Nguyễn Thị Thu Trang		02/4/1994	UB 69	Đại học	SP Giáo dục mầm non	VHVL	TB Khá	80
		<i>Cấp học Tiểu học</i>											
728	1	Trường Tiểu học Bạch Đằng	Giáo viên dạy văn hóa	V.07.03.09	Đỗ Thị Phương Vân		08/02/1990	UB 70	Đại học	SP Giáo dục tiểu học	VLVH	Khá	66.5
729					Dương Thị Lành		12/09/1989	UB 71	Đại học	SP Giáo dục tiểu học	VHVL	Khá	68
730					Hồ Thị Hỷ		18/09/1987	UB 72	Cao đẳng	SP Giáo dục tiểu học	Chính quy	TB Khá	79
731			Giáo viên Thể dục	V.07.03.09	Bùi Thị Thanh Nga		11/08/1984	UB 73	Cao đẳng	SP giáo dục thể chất	Chính quy	Khá	72.5
732	2	Trường Tiểu học Lê Hồng Phong	Giáo viên dạy văn hóa	V.07.03.09	Nguyễn Thị Vân		05/03/1986	UB 74	Cao đẳng	SP Giáo dục tiểu học	Chính quy	Khá	63
733	3	Trường Tiểu học Lê Lợi	Giáo viên dạy văn hóa	V.07.03.09	Trần Thị Hà		23/09/1988	UB 75	Đại học	SP Giáo dục tiểu học	VLVH	Khá	67.5
734					Dương Thị Hậu		17/10/1990	UB 77	Đại học	SP Giáo dục tiểu học	VHVL	Khá	67
735					Nông Thị Thanh Mai		25/06/1991	UB 78	Đại học	SP Giáo dục tiểu học	VHVL	Khá	79.5
736			Giáo viên Tiếng Anh	V.07.03.09	Lê Thị Hương Thảo		21/08/1981	UB 76	Đại học	SP Tiếng Anh	Tại chức	Khá	68.5
737					Đoàn Thị Hồng Hoa		09/06/1980	UB 79	Đại học	SP Tiếng Anh	Tại chức	TB Khá	69
738	4	Trường Tiểu học Lê Văn Tám	Giáo viên dạy văn hóa	V.07.03.09	Trần Thị Thu Hoài		10/08/1988	UB 80	Cao đẳng	SP Giáo dục tiểu học	Chính quy	TB Khá	60
739	5	Trường Tiểu học Lý Thường Kiệt	Giáo viên dạy văn hóa	V.07.03.09	Hoàng Kiều Oanh		11/07/1984	UB 81	Đại học	Công nghệ thông tin; SP Giáo dục tiểu học	VLVH	Khá	80
740			Giáo viên dạy văn hóa	V.07.03.09	Nguyễn Thị Phan Hoà		16/07/1990	UB 82	Đại học	SP Giáo dục tiểu học	VHVL	Khá	80.5
741					Vũ Hồng Nhung		26/11/1991	UB 83	Đại học	SP Giáo dục tiểu học	VHVL	Khá	65
742	6	Trường Tiểu học Nguyễn Bá Ngọc	Giáo viên Âm nhạc	V.07.03.09	Phan Thị Hoa		05/06/1987	UB 84	Cao đẳng	SP Âm nhạc	Chính quy	Khá	80
743	7	Trường Tiểu học Phương Đông B	Giáo viên dạy văn hóa	V.07.03.09	Bùi Thị Tâm		01/04/1991	UB 85	Đại học	SP Giáo dục tiểu học	VLVH	Khá	75
744					Nguyễn Thu Thủy		30/10/1989	UB 86	Đại học	SP Giáo dục tiểu học	VHVL	Khá	74.5
745	8	Trường Tiểu học Phương Nam C	Giáo viên dạy văn hóa	V.07.03.09	Đặng Thị Hải Linh		15/08/1989	UB 87	Đại học	SP Giáo dục tiểu học	VLVH	Khá	71
746	9	Trường Tiểu học Quang Trung	Giáo viên dạy văn hóa	V.07.03.09	Nguyễn Thị Loan		21/05/1989	UB 88	Đại học	SP Giáo dục tiểu học	VLVH	Khá	78
747					Phạm Thị Thục Chính		06/08/1990	UB 89	Đại học	SP Giáo dục tiểu học	VHVL	Khá	65.5
748					Lưu Thanh Tâm		05/02/1991	UB 91	Đại học	SP Giáo dục tiểu học	VHVL	Khá	83
749					Nguyễn Thị Thanh Tâm		13/02/1990	UB 92	Đại học	SP Giáo dục tiểu học	VHVL	Khá	75
750					Nguyễn Thị Thu		18/04/1986	UB 93	Đại học	SP Giáo dục tiểu học	VHVL	Khá	54
751			Giáo viên Tiếng Anh	V.07.03.09	Đỗ Thị Phương Thảo		01/04/1989	UB 90	Cao đẳng	Anh văn	Chính quy	TB Khá	65.5
752	10	Trường Tiểu học Trần Phú	Giáo viên dạy văn hóa	V.07.03.09	Đình Thị Dương Hằng		16/09/1987	UB 94	Đại học	SP Giáo dục tiểu học	VLVH	Khá	67.5
753					Hoàng Thị Hà		12/08/1991	UB 95	Đại học	SP Giáo dục tiểu học	VHVL	Khá	66.5
754					Đặng Thị Hiền		25/06/1990	UB 96	Đại học	SP Giáo dục tiểu học	Chính quy	Khá	81.5

STT	Đơn vị	Phòng chuyên môn của tuyển viên chức	Tên vị trí việc làm (Theo vị trí đơn vị đã đăng ký)	Mã số chức danh nghề nghiệp	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Số báo danh	Chuyên ngành của người đăng ký dự tuyển				Điểm phỏng vấn
						Nam	Nữ		Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Hệ Đào tạo	Loại tốt nghiệp	
755			Giáo viên Tiếng Anh	V.07.03.09	Phạm Thị Mai		09/4/1991	UB 97	Cao đẳng	SP Tiếng Anh	Chính quy	TB Khá	77.5
756	11	Trường Tiểu học Trưng Vương	Giáo viên dạy văn hóa	V.07.03.09	Trần Thị Khánh Linh		12/12/1992	UB 98	Đại học	SP Giáo dục tiểu học	VLVH	Khá	88.5
757					Nguyễn Hồng Uyên		15/04/1989	UB 99	Đại học	SP Giáo dục tiểu học	VHVL	Khá	86
758					Vũ Thị Nga		12/03/1989	UB 101	Đại học	SP Giáo dục tiểu học	VHVL	Khá	85
759					Lê Thị Huyền Trang		15/10/1989	UB 102	Đại học	SP Giáo dục tiểu học	VHVL	Khá	83
760			Giáo viên Mĩ thuật	V.07.03.09	Trịnh Thị Chiến		08/07/1982	UB 100	Cao đẳng	Mĩ Thuật	Chính quy	Khá	77.5
761	12	Trường Tiểu học Kim Đồng	Giáo viên dạy văn hóa	V.07.03.09	Lý Thị Thơm		29/11/1988	UB 103	Cao đẳng	SP Giáo dục tiểu học	Chính quy	TB Khá	77.5
762					Nguyễn Thị Mai Lệ		19/05/1987	UB 104	Đại học	SP Giáo dục tiểu học	VHVL	Khá	83.5
763	13	Trường Tiểu học Phương Đông A	Giáo viên dạy văn hóa	V.07.03.09	Nguyễn Phương Thảo		14/03/1992	UB 105	Đại học	SP Giáo dục tiểu học	Chính quy	Giỏi	82.5
764	14	Trường Tiểu học Phương Nam B	Giáo viên dạy văn hóa	V.07.03.09	Trịnh Thị Hải Thu		25/10/1989	UB 106	Đại học	SP Giáo dục tiểu học	VLVH	Khá	62.5
765	15	Trường Tiểu học Yên Thanh	Giáo viên Tiếng Anh	V.07.03.09	Ông Thị Nhung		01/01/1984	UB 107	Đại học	SP Tiếng Anh	Tại chức	Khá	81
766			Giáo viên	V.07.03.09	Đinh Mạnh Linh	03/09/1989		UB 108	Cao đẳng	Tin học ứng dụng	Chính quy	TB Khá	77
767			Giáo viên dạy văn hóa	V.07.03.09	Bùi Thị Hòa		22/07/1985	UB 109	Cao đẳng	SP Giáo dục tiểu học	Chính quy	TB Khá	82
768	16	Trường TH& THCS Điện Công	Giáo viên Tiếng Anh	V.07.03.09	Vũ Thị Tuyết		09/8/1979	UB 110	Đại học	SP Tiếng Anh	Tại chức	TB Khá	74
			Cấp học THCS										
769	1	Trường TH&THCS Điện Công	Giáo viên dạy Văn	V.07.04.12	Vũ Thị Lý		11/12/1992	UB 111	Cao đẳng	SP Văn Địa	Chính quy	Khá	85.5
770			Giáo viên Tiếng Anh	V.07.04.12	Phạm Thị Thái Hà		12/07/1991	UB 112	Cao đẳng	Tiếng Anh	Chính quy	Trung bình	83.5
771	2	Trường THCS Lý Tự Trọng	Giáo viên dạy Sinh học	V.07.04.12	Lý Thị Thơ		23/10/1991	UB 113	Cao đẳng	SP Sinh học	Chính quy	Khá	70
772	3	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	Giáo viên dạy Sinh học	V.07.04.12	Nguyễn Thị Thu Hằng		13/12/1992	UB 114	Cao đẳng	SP Sinh học	Chính quy	Khá	83
773			Giáo viên dạy Toán	V.07.04.12	Vũ Thị Thủy An		02/05/1992	UB 115	Đại học	SP Toán	VLVH	Giỏi	69.5
774			Giáo viên dạy Văn	V.07.04.12	Đinh Thị Hoa Lý		10/08/1987	UB 116	Đại học	SP Ngữ văn	VLVH	Khá	85.5
775			Giáo viên Tiếng Anh	V.07.04.12	Trần Thị Thu Thương		17/12/1989	UB 117	Đại học	Tiếng Anh	Chính quy	Khá	82.5
776	4	Trường THCS Phương Đông	Giáo viên dạy Hóa	V.07.04.12	Đoàn Thị Viên		20/5/1990	UB 118	Đại học	Hoá học	VLVH	Khá	78
777	5	Trường THCS Phương Nam	Giáo viên dạy Văn	V.07.04.12	Nguyễn Thị Ngọc Trang		01/06/1990	UB 119	Đại học	SP Ngữ Văn	VLVH	Khá	76.5
778					Ngô Thị Huyền		30/12/1988	UB 120	Đại học	Văn học	Chính quy	Khá	67.5
779			Giáo viên dạy Văn	V.07.04.12	Trần Thị Bích Thảo		22/11/1986	UB 121	Đại học	SP Ngữ Văn	VHVL	Khá	84
780			Giáo viên dạy Toán	V.07.04.12	Nguyễn Thị Lan		25/8/1990	UB 122	Đại học	SP Toán	VLVH	Khá	75
781	6	Trường THCS Trần Quốc Toàn	Giáo viên dạy Toán	V.07.04.12	Phạm Thị Oanh		07/03/1992	UB 123	Đại học	SP Toán	VLVH	Khá	67

TT	Đơn vị/ Phòng chuyên môn cần tuyển viên chức	Tên vị trí việc làm (Theo vị trí đơn vị đã đăng ký)	Mã số chức danh nghề nghiệp	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Số báo danh	Chuyên ngành của người đăng ký dự tuyển				Điểm phỏng vấn	
					Nam	Nữ		Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Hệ Đào tạo	Loại tốt nghiệp		
782			Giáo viên dạy Sinh học	V.07.04.12	Nguyễn Thị Thu Huyền		12/12/1989	UB 124	Cao đẳng	SP Sinh học	Chính quy	TB Khá	70.5
783	7	Trường THCS Yên Thanh	Giáo viên dạy Văn	V.07.04.12	Phạm Thị Tuyền		10/03/1989	UB 125	Đại học	Ngữ Văn	Chính quy	Khá	81
	*	Sở nghiệp Văn hóa TTTT											
784	1	Trung tâm Truyền thông và Văn hoá	Phóng viên	V.11.02.06	Vũ Hồng Hoàn		'16/11/1989	UB 01	Đại học	Báo chí	VHVL	Khá	79
785	2		Kỹ thuật viên	V.05.02.08	Phạm Đức Vượng	05/4/1985		UB 02	Cao đẳng	Tin học	Chính quy	Trung bình	83.5
	V	Ủy ban nhân dân thị xã Đông Triều											
	*	Sở nghiệp Giáo dục và Đào tạo											
		Cấp học Mầm non											
786	1	Trường Mầm non Hồng Thái Đông	Giáo viên mầm non	V.07.02.06	Nguyễn Thị Doan		02/01/1986	ĐT 01	Đại học	SP Giáo dục mầm non	VLVH	TB Khá	75
787					Nguyễn Thị Liên		08/4/1990	ĐT 02	Đại học	SP Giáo dục mầm non	VLVH	TB Khá	90
788					Lê Thị Thủy Chi		26/8/1989	ĐT 05	Đại học	SP Giáo dục mầm non	VHVL	TB Khá	93
789					Nguyễn Thanh Loan		24/8/1988	ĐT 06	Đại học	SP Giáo dục mầm non	VHVL	TB Khá	80
790					Nguyễn Thị Hằng		25/12/1987	ĐT 07	Đại học	SP Giáo dục mầm non	VHVL	TB Khá	75
791					Trần Thị Hồng		13/08/1991	ĐT 08	Đại học	SP Giáo dục mầm non	VHVL	TB Khá	75
792					Đỗ Thị Thu Hằng		02/10/1989	ĐT 09	Đại học	SP Giáo dục mầm non	VHVL	TB Khá	95
793					Phạm Thị Hải Yến		02/02/1990	ĐT 10	Đại học	SP Giáo dục mầm non	VHVL	TB Khá	95
794					Lưu Thị Mai Lan		06/02/1985	ĐT 11	Đại học	SP Giáo dục mầm non	VHVL	TB Khá	95
795					Lê Thị Mì		13/4/1986	ĐT 12	Đại học	SP Giáo dục mầm non	VHVL	Khá	95
796					Bùi Thị Linh		06/9/1990	ĐT 14	Đại học	SP Giáo dục mầm non	VHVL	TB Khá	95
797					Nguyễn Thị Mai Phương		26/10/1987	ĐT 15	Đại học	SP Giáo dục mầm non	VHVL	TB Khá	95
798					Nguyễn Thị Hằng		10/8/1992	ĐT 16	Đại học	SP Giáo dục mầm non	VHVL	TB Khá	92
799					Nguyễn Thị Hào		02/7/1993	ĐT 18	Đại học	SP Giáo dục mầm non	VHVL	TB Khá	95
800					Bùi Thị Hiền		24/12/1985	ĐT 19	Đại học	SP Giáo dục mầm non	VHVL	TB Khá	94
801					Nguyễn Thị Ngà		03/4/1993	ĐT 20	Đại học	SP Giáo dục mầm non	VHVL	TB Khá	92
802					Mạc Thị Thủy		09/4/1991	ĐT 22	Đại học	SP Giáo dục mầm non	VHVL	TB Khá	90
803	2	Trường Mầm non Hồng Thái Tây	Giáo viên mầm non	V.07.02.06	Lưu Thị Hạnh		19/05/1988	ĐT 23	Đại học	SP Giáo dục mầm non	VLVH	TB Khá	95
804					Mạc Thị Hằng		07/11/1985	ĐT 24	Đại học	SP Giáo dục mầm non	VHVL	TB Khá	95
805					Hoàng Thị Như Quỳnh		22/09/1990	ĐT 25	Cao đẳng	SP Giáo dục mầm non	Chính quy	TB Khá	70